

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán  
cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016  
và kết thúc vào ngày 31/12/2016



**MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 - 5
<b>2. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	6 - 7
<b>3. Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán</b>	
- Bảng cân đối kế toán riêng	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11
- Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 - 47



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng công ty Điện lực - Vinacomin (TNHH MTV) theo Quyết định số 85/QĐ-Ttg ngày 19/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực - Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 4 ngày 15/01/2016 với mã số doanh nghiệp là 0104297034, theo đó vốn điều lệ của Tổng công ty là 6.800.000.000.000 VND được chia thành 680.000.000 cổ phần (mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng), danh sách cổ đông tại ngày 31/12/2016 bao gồm:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần theo điều lệ	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	677.808.500	99,68%
2	Cổ đông khác	2.191.500	0,32%
<b>Cộng</b>		<b>680.000.000</b>	<b>100%</b>

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán của Công ty mẹ được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Văn phòng Công ty mẹ và 07 đơn vị hạch toán phụ thuộc. Chi tiết các đơn vị hạch toán phụ thuộc này được trình bày tại Thuyết minh số 1 của Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và các công ty con không được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán này và vì vậy Báo cáo tài chính riêng này không phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của toàn Tổng Công ty tại ngày 31/12/2016 và kết quả kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP bao gồm:

**Hội đồng quản trị:**

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Trọng Hùng	Chủ tịch
- Ông Ngô Trí Thịnh	Ủy viên
- Ông Hoàng Phó Hiềng	Ủy viên
- Ông Nguyễn Đức Pha	Ủy viên
- Ông Phạm Xuân Phong	Ủy viên



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

**Ban Tổng Giám đốc**

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Ngô Trí Thịnh	Tổng Giám đốc	(i)
- Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc	(ii)
- Ông Hoàng Phó Hiềng	Phó Tổng Giám đốc	(iii)
- Ông Bùi Minh Tân	Phó Tổng Giám đốc	(iv)
- Ông Phạm Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc	(v)

(i) Theo Quyết định số 16/QĐ-ĐLTKV ngày 21/01/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP

(ii) Theo Quyết định số 17/QĐ-ĐLTKV ngày 21/01/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP

(iii) Theo Quyết định số 18/QĐ-ĐLTKV ngày 21/01/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP

(iv) Theo Quyết định số 19/QĐ-ĐLTKV ngày 21/01/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP

(v) Theo Quyết định số 20/QĐ - ĐLTKV ngày 21/01/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP

**3. Trụ sở**

Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP có trụ sở chính theo đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 tại số 78 tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

**4. Hoạt động chính**

Trong Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016, hoạt động chính của Công ty mẹ là:

- Đầu tư xây dựng, khai thác, vận hành các nhà máy nhiệt điện, các nhà máy thủy điện; Sản xuất điện;
- Mua bán điện;
- Quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình điện;
- Xây dựng các công trình nhà máy điện, đường dây và trạm điện.

Ngoài ra, Công ty mẹ không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.





**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

**5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31/12/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty mẹ được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán đính kèm.

**6. Sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ**

Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP chưa có quyết định công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng cho rằng, ngoài sự kiện nêu trên không còn sự kiện nào cần phải công bố hoặc có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty mẹ bị phản ánh sai lệch.

**7. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty mẹ.

**8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty mẹ. Để lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty mẹ sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty mẹ và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ xác nhận rằng Công ty mẹ đã lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016 theo đúng các yêu cầu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**9. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ, Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty mẹ và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2017

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Ngô Trí Thịnh**

N.031  
C  
TRÁCH  
VII  
1/WH X



Số: 72 /2017/BCKT- PKF.VPC

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2017

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP (Công ty mẹ) được lập ngày 07 tháng 4 năm 2017 bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 8 đến trang 47 kèm theo.

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty mẹ được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của 07 đơn vị hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và các công ty con không được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán và vì vậy không phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của toàn Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP ("Tổng công ty") tại ngày 31/12/2016 và kết quả kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính riêng này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty mẹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty mẹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty mẹ.





Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

#### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**


Đến thời điểm hiện tại Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV chưa ghi nhận khoản tiền bồi thường chậm tiến độ hợp đồng có thể thu được từ nhà thầu của Gói thầu số 3 - "Thiết kế, cung cấp thiết bị, xây dựng, lắp đặt, chạy thử và chuyển giao công nghệ Nhà máy Nhiệt điện chạy than Cao Ngạn công suất 2x50MW" theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước do chưa thống nhất được số tiền phạt chính thức với nhà thầu như đã trình bày tại **Thuyết minh số 7.2** của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", xét trên các khía cạnh trọng yếu Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam**



  
**Đỗ Thị Ánh Tuyết**  
Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán 0079-2015-242-1



**Hoàng Văn Anh**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán 2917-2015-242-1





**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>15/01/2016</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.601.338.741.454</b>	<b>2.682.775.415.141</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>328.610.885.880</b>	<b>65.847.900.361</b>
Tiền	111	5.1	48.610.885.880	65.847.900.361
Các khoản tương đương tiền	112		280.000.000.000	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.163.923.534.877</b>	<b>2.503.047.313.530</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	1.404.975.769.750	1.501.967.164.474
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		15.395.485.398	30.750.363.785
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.3	511.993.604.334	676.917.444.885
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	236.620.005.395	293.412.340.386
DP các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.6	(5.061.330.000)	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>46.556.314.562</b>	<b>73.594.500.488</b>
Hàng tồn kho	141		46.556.314.562	73.594.500.488
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>62.248.006.135</b>	<b>40.285.700.762</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	1.021.402.176	1.712.367.562
Thuế GTGT được khấu trừ	152		52.899.495.056	34.822.414.157
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	8.327.108.903	3.750.919.043
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>19.935.569.034.695</b>	<b>22.006.575.932.287</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.553.651.376.411</b>	<b>2.884.348.097.585</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.3	2.552.685.824.033	2.883.382.545.207
Phải thu dài hạn khác	216	5.5	965.552.378	965.552.378
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.277.344.079.438</b>	<b>15.407.201.853.755</b>
<b>TSCĐ hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>5.9</b>	<b>14.251.013.839.882</b>	<b>15.373.101.071.778</b>
- Nguyên giá	222		21.813.008.995.590	21.603.504.518.270
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.561.995.155.708)	(6.230.403.446.492)
<b>TSCĐ vô hình</b>	<b>227</b>	<b>5.10</b>	<b>26.330.239.556</b>	<b>34.100.781.977</b>
- Nguyên giá	228		29.212.729.730	35.649.701.210
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.882.490.174)	(1.548.919.233)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.8</b>	<b>116.903.755.552</b>	<b>93.508.235.770</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		30.975.440.633	20.628.408.300
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		85.928.314.919	72.879.827.470
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>2.181.885.083.795</b>	<b>2.824.554.177.495</b>
Đầu tư vào công ty con	251		1.883.306.772.926	1.883.306.772.926
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		985.091.726.279	941.247.404.569
DP giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn (*)	254		(686.513.415.410)	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>805.784.739.499</b>	<b>796.963.567.682</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	647.891.360.614	617.924.480.578
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		157.893.378.885	179.039.087.104
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>22.536.907.776.149</b>	<b>24.689.351.347.428</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016


Đơn vị: VND

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>15/01/2016</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>16.094.579.295.457</b>	<b>17.911.266.347.428</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.047.696.850.961</b>	<b>3.160.779.333.141</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	1.014.220.082.493	1.068.195.842.261
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		41.464.435	5.487.809.442
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	24.285.439.584	59.255.130.083
Phải trả người lao động	314		39.092.659.161	48.402.176.823
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	263.684.771.162	254.603.398.522
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	43.195.552.523	64.421.426.496
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	1.644.054.757.720	1.643.691.958.169
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		19.122.123.883	16.721.591.345
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.046.882.444.496</b>	<b>14.750.487.014.287</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	5.13	626.944.266.919	618.416.284.351
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	12.419.938.177.577	14.132.070.729.936
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>6.442.328.480.692</b>	<b>6.778.085.000.000</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>6.442.328.480.692</b>	<b>6.778.085.000.000</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		6.800.000.000.000	6.436.967.325.797
Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.640.600.000)	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	570.597.908.525
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	1.069.727.013
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(354.030.919.308)	(230.549.961.335)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	(828.058.894.686)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(354.030.919.308)	597.508.933.351
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>22.536.907.776.149</b>	<b>24.689.351.347.428</b>

40-C.1  
 TY  
 HỮU HẠN  
 NAM  
 T.P.V

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU



LƯU THỊ MINH THANH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ HÀ

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGÔ TRÍ THỊNH



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 15/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 14/01/2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	6.461.769.716.201	(325.217.271.129)
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10	6.2	6.461.769.716.201	(325.217.271.129)
Giá vốn hàng bán	11	6.3	5.439.836.662.515	191.747.318.009
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.021.933.053.686	(516.964.589.138)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	18.419.127.813	25.325.927.068
Chi phí tài chính	22	6.5	1.237.882.364.495	(1.096.326.392.178)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		390.623.265.254	14.387.556.616
Chi phí bán hàng	25	6.8	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	148.396.827.321	5.725.932.594
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(345.927.010.317)	598.961.797.514
Thu nhập khác	31	6.6	140.618.196	(259.543.637)
Chi phí khác	32	6.7	8.244.527.187	1.193.320.526
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(8.103.908.991)	(1.452.864.163)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(354.030.919.308)	597.508.933.351
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(354.030.919.308)	597.508.933.351

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

LƯU THỊ MINH THANH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ HÀ

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÔ TRÍ THỊNH



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (theo phương pháp gián tiếp)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 15/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 14/01/2016
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	(354.030.919.308)	597.508.933.351
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.332.636.852.259	57.119.388.699
Các khoản dự phòng	03	691.574.745.410	(585.573.231.656)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	155.638.829.907	(34.977.051.433)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(14.345.268.696)	(25.235.000.000)
Chi phí lãi vay	06	390.623.265.254	14.387.556.616
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	73.672.668.781
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>2.202.097.504.826</b>	<b>96.903.264.358</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	146.485.337.343	385.009.197.216
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	48.183.894.145	21.954.427.053
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(117.824.298.330)	103.050.228.404
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(29.275.914.650)	(565.172.299.436)
Tiền lãi vay đã trả	14	(382.298.882.414)	(3.582.666.667)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	10.516.650.000	60.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(11.465.124.799)	(371.700.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.866.419.166.121</b>	<b>37.850.450.928</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(216.709.319.366)	(19.279.828.339)
Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	21.928.012.088	75.927.918
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(43.844.321.710)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.345.268.696	25.235.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(224.280.360.292)</b>	<b>6.031.099.579</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	751.401.332.755	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.130.777.153.065)	(30.075.927.918)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.379.375.820.310)</b>	<b>(30.075.927.918)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	65.847.900.361	52.042.277.772
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>328.610.885.880</b>	<b>65.847.900.361</b>

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





LƯU THỊ MINH THANH

NGUYỄN THỊ HÀ

NGÔ TRÍ THỊNH



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng công ty Điện lực - Vinacomin (TNHH MTV) theo Quyết định số 85/QĐ-Ttg ngày 19/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực - Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 4 ngày 15/01/2016 với mã số doanh nghiệp là 0104297034, theo đó vốn điều lệ của Tổng công ty là 6.800.000.000.000 VND được chia thành 680.000.000 cổ phần (mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng), danh sách cổ đông tại ngày 31/12/2016 bao gồm:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần theo điều lệ	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	677.808.500	99,68%
2	Cổ đông khác	2.191.500	0,32%
	<b>Cộng</b>	<b>680.000.000</b>	<b>100%</b>

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty mẹ là Đầu tư xây dựng, khai thác, vận hành các nhà máy nhiệt điện, các nhà máy thủy điện; Sản xuất điện; Mua bán điện; Quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình điện.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty mẹ được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Văn phòng Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP đóng tại số 78 tầng 2 tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016, Công ty mẹ bao gồm các chi nhánh phụ thuộc sau:

1. Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV, địa chỉ tại phường Quán Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;
2. Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV, địa chỉ tại xã Sần Viên, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
3. Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV, địa chỉ tại xã Thanh Luận, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;
4. Ban Quản lý Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mạo Khê - Vinacomin, địa chỉ tại xã Bình Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
5. Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 - Vinacomin, địa chỉ tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

6. Công ty Nhiệt điện Đông Triều - TKV, địa chỉ tại xã Bình Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.
7. Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, địa chỉ tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty mẹ áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

**3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty mẹ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016 là năm tài chính đầu tiên của Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

**4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty mẹ tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.3 Các giao dịch ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của các ngân



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

hàng thương mại có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Tỷ giá áp dụng đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty được thực hiện theo Công văn số 04/TKV-KT ngày 03/01/2017 của Tập đoàn, cụ thể như sau:

- Các khoản tiền gửi, tiền tồn quỹ và các khoản phải thu ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng là 22.720 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải trả, tiền vay ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 22.790 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải thu, phải trả trong TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 22.790 VND/USD.
- Các loại ngoại tệ khác (nếu có) được căn cứ vào thông báo của Ngân hàng hoặc quy đổi qua đồng đô la Mỹ theo nguyên tắc như hướng dẫn nêu trên.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính theo chuẩn mực kế toán số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

Khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực – TKV được phân bổ không quá 5 năm (bắt đầu từ thời điểm 15/01/2016) theo hướng dẫn tại Công văn số 558/BTC-TCDN ngày 13/01/2017 của Bộ Tài chính.

**4.4 Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty mẹ và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

**4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2016 được ghi nhận theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty mẹ áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, vật tư và hàng hoá được xác định theo các phương pháp nhập trước xuất trước và bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

**4.6.1 Tài sản cố định hữu hình**

***Đối với những tài sản cố định hữu hình đưa vào sử dụng trước ngày 01/4/2014***

Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản đưa vào sử dụng trước ngày 01/4/2014 được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt số 1930/QĐ-HĐTV ngày 29/8/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

***Đối với những tài sản cố định hữu hình đưa vào sử dụng sau ngày 01/4/2014***

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng sau ngày 01/4/2014 bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty mẹ như sau:

- |                                   |            |
|-----------------------------------|------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 5 - 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị               | 3 - 20 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 2 - 12 năm |
| - Thiết bị dụng cụ, quản lý       | 3 - 6 năm  |



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

**4.6.2 Tài sản cố định vô hình**

***Đối với những tài sản cố định hữu hình đưa vào sử dụng trước ngày 01/4/2014***

Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản cố định vô hình đưa vào sử dụng trước ngày 01/4/2014 được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt số 1930/QĐ-HĐTV ngày 29/8/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

***Đối với những tài sản cố định hữu hình đưa vào sử dụng sau ngày 01/4/2014***

Nguyên giá tài sản cố định vô hình tăng sau ngày 01/4/2014 bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

- |                                |            |
|--------------------------------|------------|
| - Phần mềm máy tính            | 3 - 6 năm  |
| - Quyền sử dụng đất            | 8 - 50 năm |
| - Tài sản cố định vô hình khác | 6 năm      |

**4.7 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Theo đó, các khoản đầu tư chỉ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty mẹ trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Công ty mẹ chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:**

- + Công ty con là công ty mà Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.
- + Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty mẹ và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.
- + Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.
- + Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ban hành ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

**4.8 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

**4.9 Chi phí xây dựng dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

**4.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ chi phí này.

Chi phí trả trước chủ yếu là giá trị của các công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ, tiền thuê nhà trả trước nhiều năm và các chi phí trả trước khác.

**4.11 Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty mẹ và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

**4.12 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm, nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc năm tài chính để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch tương ứng.

**4.13 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty mẹ thuộc Nhà nước sở hữu do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam quản lý.

Nguồn vốn kinh doanh được thể hiện trên Báo cáo tài chính của Công ty mẹ bao gồm nguồn vốn góp của các cổ đông, nguồn vốn tự bổ sung từ lợi nhuận hàng năm.

**4.14 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty mẹ có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.

10640  
NG T  
T M H  
K F  
T N A  
AN -



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm, khi Công ty mẹ đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (v) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty mẹ có quyền nhận khoản lãi.

**4.15 Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí tài chính của Công ty mẹ bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định và các chi phí khác phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty mẹ.

**4.16 Thuế**

**Thuế Giá trị gia tăng:** các sản phẩm của Công ty mẹ chịu thuế suất 10%

**Thuế Thu nhập Doanh nghiệp:** thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty mẹ căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty mẹ có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty mẹ có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Công ty mẹ không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại do các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập là không trọng yếu tại ngày 31/12/2016.

**Các loại thuế khác:** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

**5.1 Tiền**

	<u>31/12/2016</u> (VND)	<u>15/01/2016</u> (VND)
Tiền mặt tại quỹ (i)	665.429.248	863.233.731
Tiền gửi ngân hàng (ii)	47.945.456.632	64.984.666.630
<b>Cộng</b>	<b><u>48.610.885.880</u></b>	<b><u>65.847.900.361</u></b>
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2016 bao gồm:		<b>VND</b>
	<u>Nguyên tệ</u>	
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		665.429.248
<b>Cộng</b>		<b><u>665.429.248</u></b>
(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2016 bao gồm:		<b>VND</b>
	<u>Nguyên tệ</u>	
Ngoại tệ (USD)	0,04 #	912
Đồng Việt Nam		47.945.455.720
<b>Cộng</b>		<b><u>47.945.456.632</u></b>





**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

	31/12/2016 (VND)		15/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>Ngắn hạn</b>	-	-	-	-
<b>Dài hạn</b>	2.868.398.499.205	2.181.885.083.795	2.824.554.177.495	2.824.554.177.495
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	2.868.398.499.205	2.181.885.083.795	2.824.554.177.495	2.824.554.177.495
<u>Đầu tư vào Công ty con:</u>	1.883.306.772.926	1.384.412.157.799	1.883.306.772.926	1.883.306.772.926
- Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả	1.757.179.069.334	1.258.284.454.207	1.757.179.069.334	1.757.179.069.334
- Công ty CP Than điện Nông Sơn	126.127.703.592	126.127.703.592	126.127.703.592	126.127.703.592
<u>Đầu tư vào đơn vị khác:</u>	985.091.726.279	797.472.925.996	941.247.404.569	941.247.404.569
- Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân	146.750.416.279	146.750.416.279	102.906.094.569	102.906.094.569
- Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng	360.500.000.000	360.500.000.000	360.500.000.000	360.500.000.000
- Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	477.841.310.000	290.222.509.717	477.841.310.000	477.841.310.000
<b>Cộng</b>	<b>2.868.398.499.205</b>	<b>2.181.885.083.795</b>	<b>2.824.554.177.495</b>	<b>2.824.554.177.495</b>

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính riêng



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31/12/2016

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<b>Đầu tư vào công ty con:</b>				
Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV	Quảng Ninh	89,21%	89,21%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty CP Than Điện Nông Sơn – TKV	Quảng Nam	88,77%	88,77%	Sản xuất than và sản xuất điện
<b>Đầu tư vào Công ty khác:</b>				
Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân	Bình Thuận	5%	5%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng	Hải Phòng	7,21%	7,21%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	Quảng Ninh	10,62%	10,62%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

**5.3 Phải thu về cho vay**

	31/12/2016 (VND)		15/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
				Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>			<b>676.917.444.885</b>	<b>676.917.444.885</b>
Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV	511.993.604.334	511.993.604.334	501.431.500.266	501.431.500.266
+ Gốc vay	508.346.258.498	508.346.258.498	-	-
+ Cho vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-
Công ty CP Than Điện Nông Sơn - TKV	508.346.258.498	508.346.258.498	501.431.500.266	501.431.500.266
+ Gốc vay	3.647.345.836	3.647.345.836	175.485.944.619	175.485.944.619
+ Cho vay dài hạn đến hạn trả	-	-	18.356.594.170	18.356.594.170
<b>Dài hạn</b>			<b>2.883.382.545.207</b>	<b>2.883.382.545.207</b>
Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV	2.552.685.824.033	2.552.685.824.033	157.129.350.449	157.129.350.449
Công ty CP Than Điện Nông Sơn - TKV	2.292.254.857.539	2.292.254.857.539	2.772.942.083.098	2.772.942.083.098
<b>Cộng</b>	<b>3.064.679.428.367</b>	<b>3.064.679.428.367</b>	<b>3.560.299.990.092</b>	<b>3.560.299.990.092</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM****CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

**5.4 Phải thu khách hàng**

	<u>31/12/2016</u> (VND)	<u>15/01/2016</u> (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.404.975.769.750</b>	<b>1.501.967.164.474</b>
Công ty Mua bán điện	1.399.557.641.042	1.500.866.757.437
Các khách hàng khác	5.418.128.708	1.100.407.037
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.404.975.769.750</u></b>	<b><u>1.501.967.164.474</u></b>

**5.5 Phải thu khác**

	<u>31/12/2016</u> (VND)		<u>15/01/2016</u> (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>236.620.005.395</b>		<b>293.412.340.386</b>	-
Phải thu về lãi cho vay (i)	206.544.019.958	-	200.144.032.111	-
Phải thu khác (ii)	30.075.985.437	-	93.268.308.275	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>965.552.378</b>	-	<b>965.552.378</b>	-
Ký cược, ký quỹ	965.552.378		965.552.378	
<b>Cộng</b>	<b><u>237.585.557.773</u></b>	-	<b><u>294.377.892.764</u></b>	-

(i) Phải thu về lãi vay	<u>31/12/2016</u> (VND)
<i>Phải thu lãi vay của Công ty CP Than Điện Nông Sơn - TKV</i>	<i>149.791.681.554</i>
<i>Phải thu lãi vay của Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV</i>	<i>56.752.338.404</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>206.544.019.958</u></b>





**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM****CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

(ii) Phải thu khác	<b>31/12/2016 (VND)</b>
<i>Phải thu tiền than không đủ chất lượng (Nhiệt điện Na Dương)</i>	5.701.943.699
<i>Phải thu thuế nhập khẩu thiết bị nộp hộ nhà thầu (BQL Dự án Đồng Nai 5)</i>	1.945.463.773
<i>Tiền giải phóng mặt bằng - Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Đắk R'Lấp</i>	1.420.905.880
<i>Phải thu tiền vật tư nhà thầu SFECO</i>	4.532.276.360
<i>Phải thu tiền cổ tức của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng</i>	7.210.000.000
<i>Phải thu về cổ phần hóa</i>	1.317.349.800
<i>Phải thu nhà thầu phụ của dự án NMNĐ Cao Ngạn - Công ty Đầu tư XD&amp;TM – Tổng Công ty Đông Bắc</i>	850.000.000
<i>Phải thu nhà thầu phụ của dự án NMNĐ Cao Ngạn - Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI</i>	1.000.000.000
<i>Phải thu nhà thầu phụ của dự án NMNĐ Cao Ngạn - Công ty TNHH một thành viên môi trường - Vinacomin</i>	1.250.000.000
<i>Các khoản khác</i>	4.848.045.925
<b>Cộng</b>	<b><u>30.075.985.437</u></b>

**5.6 Nợ xấu**

	<b>31/12/2016 (VND)</b>		<b>15/01/2016 (VND)</b>	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:</b>	<b>5.061.330.000</b>	-	-	-
Từ 3 năm trở lên	5.061.330.000	-	-	-
<i>Điện lực Thái Nguyên</i>	13.621.000	-	-	-
<i>Vụ Năng lượng - Bộ Công thương</i>	42.110.000	-	-	-
<i>Công ty CP xây dựng số 18</i>	5.005.599.000	-	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

**5.7 Hàng tồn kho**

	31/12/2016 (VND)		15/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	46.207.394.163	-	73.072.927.036	-
Công cụ, dụng cụ	348.920.399	-	390.919.952	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	130.653.500	-
<b>Cộng</b>	<b>46.556.314.562</b>	<b>-</b>	<b>73.594.500.488</b>	<b>-</b>

**5.8 Tài sản dở dang dài hạn**

	31/12/2016 (VND)		15/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>	<b>30.975.440.633</b>	<b>-</b>	<b>20.628.408.300</b>	<b>-</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn (Dự án san gạt Vĩnh Tân)	30.975.440.633	-	20.628.408.300	-
<b>b. Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>85.928.314.919</b>	<b>-</b>	<b>72.879.827.470</b>	<b>-</b>
- Mua sắm	-	-	-	-
- Xây dựng cơ bản	85.928.314.919	-	72.879.827.470	-
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Đồng Nai 5	20.734.461.167	-	21.748.387.400	-
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quỳnh Lập 1	17.819.613.177	-	17.230.670.450	-
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Na Dương 2	9.019.902.990	-	5.807.169.036	-
Dự án ĐTXD nhà máy sản xuất Vật liệu không nung và bãi tập kết nguyên liệu tại Đồng Giếng To	2.922.993.200	-	2.922.993.200	-
Xây dựng bãi thải xỉ NMNĐ Na Dương	19.360.236.232	-	19.162.311.982	-
Dự án đầu tư mở rộng nâng công suất làm mát cho NM NĐND	-	-	3.257.253.366	-
Khu CBCNV điều hành sản xuất (NMNĐ Sơn Động)	8.798.105.351	-	-	-
Đường công vụ từ Quốc lộ 18A đến NMNĐ Đông Triều	5.571.542.971	-	50.825.589	-
Dự án khác	1.701.459.831	-	2.700.216.447	-
<b>Cộng</b>	<b>116.903.755.552</b>	<b>-</b>	<b>93.508.235.770</b>	<b>-</b>





**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

**5.9 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	6.498.229.386.994	14.112.546.406.989	491.711.864.364	71.877.141.083	429.139.718.840	21.603.504.518.270
- Mua trong năm	-	6.020.164.545	-	3.067.081.819	-	9.087.246.364
- Đầu tư XDCB hoàn thành	163.454.753.349	81.682.088.529	-	-	-	245.136.841.878
- Phân loại lại nhóm TSCĐ	-	441.922.890.514	-	-	-	441.922.890.514
- Tăng khác	-	-	2.411.962.727	248.948.052	-	2.660.910.779
- Thanh lý, nhượng bán	(535.756.350)	-	-	-	-	(535.756.350)
- Phân loại lại nhóm TSCĐ	(4.445.374.753)	-	(241.038.199.933)	(26.466.101.263)	(169.973.214.565)	(441.922.890.514)
- Giảm khác	(12.227.863.265)	(32.131.627.671)	(2.411.962.727)	(73.311.688)	-	(46.844.765.351)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.644.475.145.975</b>	<b>14.610.039.922.906</b>	<b>250.673.664.431</b>	<b>48.653.758.003</b>	<b>259.166.504.275</b>	<b>21.813.008.995.590</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>						
Số dư đầu năm	810.589.899.159	5.009.930.502.150	190.488.185.597	46.908.682.994	172.486.176.592	6.230.403.446.492
- Khấu hao trong năm	334.981.913.809	930.638.159.699	26.385.232.555	8.585.469.219	30.712.506.036	1.331.303.281.318
- Hao mòn trong năm	502.271.703	-	-	-	-	502.271.703
- Tăng khác	-	151.649.605.273	-	-	-	151.649.605.273
- Thanh lý, nhượng bán	(206.064.286)	-	-	-	-	(206.064.286)
- Giảm khác	(1.353.608.102)	-	(63.759.006.294)	(16.668.030.982)	(69.876.739.414)	(151.657.384.792)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.144.514.412.283</b>	<b>6.092.218.267.122</b>	<b>153.114.411.858</b>	<b>38.826.121.231</b>	<b>133.321.943.214</b>	<b>7.561.995.155.708</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	5.687.639.487.835	9.102.615.904.839	301.223.678.767	24.968.458.089	256.653.542.248	15.373.101.071.778
Tại ngày cuối năm	5.499.960.733.692	8.517.821.655.784	97.559.252.573	9.827.636.772	125.844.561.061	14.251.013.839.882

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính riêng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

**5.10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐVH Khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	33.899.779.267	1.522.195.579	227.726.364	35.649.701.210
- Mua trong năm	-	810.000.000	-	810.000.000
- Đầu tư XDCCB hoàn thành	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	(7.246.971.480)	-	-	(7.246.971.480)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>26.652.807.787</b>	<b>2.332.195.579</b>	<b>227.726.364</b>	<b>29.212.729.730</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
Số dư đầu năm	662.659.492	770.035.195	116.224.546	1.548.919.233
- Khấu hao trong năm	975.896.518	332.426.067	25.248.356	1.333.570.941
- Tăng khác	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.638.556.010</b>	<b>1.102.461.262</b>	<b>141.472.902</b>	<b>2.882.490.174</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu năm	33.237.119.775	752.160.384	111.501.818	34.100.781.977
Tại ngày cuối năm	25.014.251.777	1.229.734.317	86.253.462	26.330.239.556



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

**5.11 Chi phí trả trước**

	<b>31/12/2016</b>	<b>15/01/2016</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.021.402.176</b>	<b>1.712.367.562</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	730.939.540	445.793.903
Chi phí bảo hiểm	232.878.755	965.686.739
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	57.583.881	300.886.920
<b>b. Dài hạn</b>	<b>647.891.360.614</b>	<b>617.924.480.578</b>
Công cụ dụng cụ phân bổ nhiều năm	801.543.579	1.272.577.288
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	45.843.558.285	43.720.393.591
Tiền thuê nhà trả trước nhiều năm	3.594.516.480	7.189.032.960
Chi phí thành lập doanh nghiệp	910.711.270	1.787.148.473
Chi phí giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình	32.185.394.733	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá phân bổ 5 năm	563.867.266.554	563.867.266.554
Chi phí trả trước dài hạn khác	688.369.713	88.061.712
<b>Cộng</b>	<b>648.912.762.790</b>	<b>619.636.848.140</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

**5.12 Vay và nợ thuê tài chính**

	15/01/2016 (VND)		Giảm trong năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2016 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ				Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>a. Gốc vay ngắn hạn</b>	<b>238.356.594.170</b>	<b>238.356.594.170</b>	<b>514.195.349.632</b>	<b>752.551.943.802</b>	-	-	
Vay ngân hàng	220.000.000.000	220.000.000.000	514.195.349.632	734.195.349.632	-	-	
Vay Tập đoàn	18.356.594.170	18.356.594.170	-	18.356.594.170	-	-	
<b>b. Gốc vay dài hạn</b>	<b>15.537.406.093.935</b>	<b>15.537.406.093.935</b>	<b>517.092.712.421</b>	<b>1.990.505.871.059</b>	<b>14.063.992.935.297</b>	<b>14.063.992.935.297</b>	
Từ 1 năm đến 5 năm	148.589.624.169	148.589.624.169	10.571.684.505	134.274.817.742	24.886.490.932	24.886.490.932	
Vay ngân hàng	148.589.624.169	148.589.624.169	10.571.684.505	134.274.817.742	24.886.490.932	24.886.490.932	
Vay Tập đoàn	-	-	-	-	-	-	
+ Trên 5 năm	15.388.816.469.766	15.388.816.469.766	506.521.027.916	1.856.231.053.317	14.039.106.444.365	14.039.106.444.365	
Vay ngân hàng	3.849.072.108.665	3.849.072.108.665	314.436.795.047	94.364.461.672	4.069.144.442.040	4.069.144.442.040	
Vay Tập đoàn	11.539.744.361.101	11.539.744.361.101	192.084.232.869	1.761.866.591.645	9.969.962.002.325	9.969.962.002.325	
<b>Cộng</b>	<b>15.775.762.688.105</b>	<b>15.775.762.688.105</b>	<b>1.031.288.062.053</b>	<b>2.743.057.814.861</b>	<b>14.063.992.935.297</b>	<b>14.063.992.935.297</b>	



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

	15/01/2016 (VND)		31/12/2016 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>c.</b>				
Phân loại gốc vay dài hạn đến hạn trả tại thời điểm lập BCTC	<b>1.405.335.363.999</b>	<b>1.405.335.363.999</b>	<b>1.644.054.757.720</b>	<b>1.644.054.757.720</b>
Vay ngân hàng	193.526.769.260	193.526.769.260	471.422.018.968	471.422.018.968
Vay Tập đoàn	1.211.808.594.739	1.211.808.594.739	1.172.632.738.752	1.172.632.738.752
<b>d.</b>				
Số dư tại thời điểm lập BCTC	<b>15.775.762.688.105</b>	<b>15.775.762.688.105</b>	<b>14.063.992.935.297</b>	<b>14.063.992.935.297</b>
d.1 Vay và nợ ngắn hạn (d.1 = a + c)	1.643.691.958.169	1.643.691.958.169	1.644.054.757.720	1.644.054.757.720
d.2 Vay và nợ dài hạn (d.2 = b - c)	14.132.070.729.936	14.132.070.729.936	12.419.938.177.577	12.419.938.177.577
<b>e.</b>				
Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan				
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam – Vinacomin	11.558.100.955.271	11.558.100.955.271	9.969.962.002.325	9.969.962.002.325
Vay ngắn hạn	1.230.165.188.909	1.230.165.188.909	1.172.632.738.752	1.172.632.738.752
Vay dài hạn	10.327.935.766.362	10.327.935.766.362	8.797.329.263.573	8.797.329.263.573
<b>Cộng</b>	<b>11.558.100.955.271</b>	<b>11.558.100.955.271</b>	<b>9.969.962.002.325</b>	<b>9.969.962.002.325</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

**5.13 Phải trả người bán**

	31/12/2016 (VND)		15/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>1.014.220.082.493</b>	<b>1.014.220.082.493</b>	<b>1.068.195.842.261</b>	<b>1.068.195.842.261</b>
Công ty Kho vận và cảng Cẩm Phả	57.051.357.089	57.051.357.089	74.747.344.039	74.747.344.039
Tổng Công ty Đông Bắc	152.534.868.663	152.534.868.663	186.203.196.129	186.203.196.129
Công ty Kho Vận Đá Bạc	84.759.333.730	84.759.333.730	60.448.391.305	60.448.391.305
Ban Điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5 Tổng Công ty Sông Đà	524.772.038.806	524.772.038.806	556.626.952.526	556.626.952.526
LD HydroChina HuaDong và Tianjin Alstom Hydro	10.467.633.422	10.467.633.422	63.567.142.902	63.567.142.902
Phải trả các đối tượng khác	184.634.850.783	184.634.850.783	126.602.815.360	126.602.815.360
<b>Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>626.944.266.919</b>	<b>626.944.266.919</b>	<b>618.416.284.351</b>	<b>618.416.284.351</b>
Nhà thầu SFECO	391.979.361.677	391.979.361.677	386.647.479.181	386.647.479.181
Công ty TNHH công trình điện Cấp Nhĩ Tân - DA Cao Ngạn	234.964.905.242	234.964.905.242	231.768.805.170	231.768.805.170
<b>Cộng</b>	<b>1.641.164.349.412</b>	<b>1.641.164.349.412</b>	<b>1.686.612.126.612</b>	<b>1.686.612.126.612</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

**5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải trả Nhà nước**

	15/01/2016 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016 (VND)
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	58.960.137.942	167.805.355.112	213.738.583.322	13.026.909.732
Thuế xuất nhập khẩu	3.292	257.457.801	257.461.093	-
Thuế thu nhập cá nhân	247.107.116	1.282.535.718	1.242.468.417	287.174.417
Thuế tài nguyên	45.229.905	37.372.547.691	36.418.480.600	999.296.996
Thuế đất và tiền thuê đất	-	7.508.229.102	1.170.608.219	6.337.620.883
Các loại thuế khác	-	905.507.097	905.507.097	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.651.828	11.366.138.994	7.734.353.266	3.634.437.556
<b>Cộng</b>	<b>59.255.130.083</b>	<b>226.497.771.515</b>	<b>261.467.462.014</b>	<b>24.285.439.584</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	5.990.400.703	12.621.021.515	6.630.620.812
Thuế thu nhập doanh nghiệp	413.904.592	-	-	413.904.592
Thuế thu nhập cá nhân	261.421.945	261.421.945	7.137.356	7.137.356
Thuế tài nguyên	3.075.592.506	3.075.592.506	-	-
Các loại thuế khác	-	19.696.106	1.295.142.249	1.275.446.143
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.750.919.043</b>	<b>9.347.111.260</b>	<b>13.923.301.120</b>	<b>8.327.108.903</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

**5.15 Chi phí phải trả**

	<u>31/12/2016</u> (VND)	<u>15/01/2016</u> (VND)
<b>Ngắn hạn</b>	<b>263.684.771.162</b>	<b>254.603.398.522</b>
Chi phí lãi vay phải trả	253.930.454.089	242.718.580.471
Lãi trả chậm tiền than	6.241.752.788	6.131.950.127
Chi phí phải trả khác	3.512.564.285	5.752.867.924
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>263.684.771.162</u></b>	<b><u>254.603.398.522</u></b>

**5.16 Phải trả khác**

	<u>31/12/2016</u> (VND)	<u>15/01/2016</u> (VND)
<b>Ngắn hạn</b>	<b>43.195.552.523</b>	<b>64.421.426.496</b>
Phải trả nhà thầu SFECO	4.322.434.076	4.322.434.076
Phải trả về mô tơ, máy phát nhà thầu Harbin - DA Cao Ngạn	3.304.550.000	3.259.600.000
Các khoản khác (i)	35.568.568.447	56.839.392.420
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>43.195.552.523</u></b>	<b><u>64.421.426.496</u></b>

(i) Số các khoản khác ngày 31/12/2016 bao gồm:

	<u>VND</u>
<i>Các khoản phải trả Tập đoàn</i>	29.636.487.926
<i>Thưởng an toàn điện</i>	3.669.598.359
<i>Các khoản phải trả khác</i>	2.262.482.162
<b>Cộng</b>	<b><u>35.568.568.447</u></b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

**5.17 Vốn chủ sở hữu**

**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của chủ SH VND (*)</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Chênh lệch đánh giá lại TS VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 15/01/2016</b>	<b>6.436.967.325.797</b>	-	<b>1.069.727.013</b>	<b>570.597.908.525</b>	<b>(230.549.961.335)</b>	<b>6.778.085.000.000</b>
Tăng vốn trong năm nay	21.915.000.000	-	-	-	-	21.915.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	571.667.635.538	-	(1.069.727.013)	(570.597.908.525)	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(354.030.919.308)	(354.030.919.308)
Giảm khác	(230.549.961.335)	(3.640.600.000)	-	-	230.549.961.335	(3.640.600.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>6.800.000.000.000</b>	<b>(3.640.600.000)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(354.030.919.308)</b>	<b>6.442.328.480.692</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

**(\*) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>31/12/2016</b> <b>(VND)</b>	<b>15/01/2016</b> <b>(VND)</b>
Vốn của Nhà nước	6.778.085.000.000	6.436.967.325.797
Vốn của đối tượng khác	21.915.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>6.800.000.000.000</b>	<b>6.436.967.325.797</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Từ 15/01/2016</b> <b>đến 31/12/2016</b> <b>(VND)</b>	<b>Từ 01/01/2016</b> <b>đến 14/01/2016</b> <b>(VND)</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn đầu năm	6.436.967.325.797	6.436.967.325.797
Vốn tăng trong năm	593.582.635.538	-
Vốn giảm trong năm	(230.549.961.335)	-
Vốn cuối năm	6.800.000.000.000	6.436.967.325.797
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM****CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 15/01/2016 đến 31/12/2016 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 14/01/2016 (VND)
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>6.461.769.716.201</b>	<b>(325.217.271.129)</b>
Doanh thu bán than	131.456.990.630	-
Doanh thu bán điện	6.283.463.671.279	(326.273.581.932)
Doanh thu khác	46.849.054.292	1.056.310.803

**6.2 Doanh thu thuần**

	Từ 15/01/2016 đến 31/12/2016 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 14/01/2016 (VND)
<b>D. thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>6.461.769.716.201</b>	<b>(325.217.271.129)</b>
Doanh thu thuần bán than	131.456.990.630	-
Doanh thu thuần bán điện	6.283.463.671.279	(326.273.581.932)
Doanh thu thuần khác	46.849.054.292	1.056.310.803

**6.3 Giá vốn hàng bán**

	Từ 15/01/2016 đến 31/12/2016 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 14/01/2016 (VND)
Giá vốn than bán	131.456.990.630	-
Giá vốn điện	5.264.048.232.952	190.729.579.764
Giá vốn khác	44.331.438.933	1.017.738.245
<b>Cộng</b>	<b>5.439.836.662.515</b>	<b>191.747.318.009</b>

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 15/01/2016 đến 31/12/2016 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 14/01/2016 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.135.268.696	-
Tiền cổ tức và lợi nhuận được chia	7.210.000.000	25.235.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.073.859.117	59.995.000
Doanh thu tài chính khác	-	30.932.068
<b>Cộng</b>	<b>18.419.127.813</b>	<b>25.325.927.068</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

**6.5 Chi phí hoạt động tài chính**

	<b>Từ 15/01/2016 đến 31/12/2016 (VND)</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 14/01/2016 (VND)</b>
Lãi tiền vay	390.623.265.254	14.387.556.616
Giảm chi phí tài chính do treo lại khoản chênh lệch tỷ giá để phân bổ 5 năm	-	(563.867.266.554)
Chênh lệch tỷ giá	160.626.881.170	(34.977.051.433)
Chi phí tài chính khác	118.802.661	73.703.600.849
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	686.513.415.410	(585.573.231.656)
<b>Cộng</b>	<b>1.237.882.364.495</b>	<b>(1.096.326.392.178)</b>

**6.6 Thu nhập khác**

	<b>Từ 15/01/2016 đến 31/12/2016 (VND)</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 14/01/2016 (VND)</b>
Thu nhập khác	140.618.196	(259.543.637)
<b>Cộng</b>	<b>140.618.196</b>	<b>(259.543.637)</b>

**6.7 Chi phí khác**

	<b>Từ 15/01/2016 đến 31/12/2016 (VND)</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 14/01/2016 (VND)</b>
Tiền thuê đất từ 2012-2015 (Cao Ngạn)	5.070.096.706	-
Chi phí thanh lý TSCĐ	620.376.038	-
Chi phí khác	2.554.054.443	1.193.320.526
<b>Cộng</b>	<b>8.244.527.187</b>	<b>1.193.320.526</b>





**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

**6.8 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Từ 15/01/2016 đến 31/12/2016 (VND)</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 14/01/2016 (VND)</b>
<b>a. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>148.396.827.321</b>	<b>5.725.932.594</b>
Chi phí nhân viên	72.601.924.296	2.691.072.612
Chi phí khấu hao	15.750.858.389	567.908.001
Dịch vụ mua ngoài	11.087.607.056	347.163.161
Các khoản khác	48.956.437.580	2.119.788.820
<b>b. Chi phí bán hàng</b>	-	-
<b>c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>148.396.827.321</b>	<b>5.725.932.594</b>

**6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 15/01/2016 đến 31/12/2016 (VND)</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 14/01/2016 (VND)</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.809.259.485.829	126.164.198.515
Chi phí nhân công	191.053.074.245	7.628.198.764
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.332.636.852.259	57.119.388.699
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.077.368.552	2.807.042.249
Chi phí khác bằng tiền	175.206.708.951	3.754.422.376
<b>Cộng</b>	<b>5.588.233.489.836</b>	<b>197.473.250.603</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

**7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Công cụ tài chính**

Công ty mẹ chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty mẹ.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty mẹ chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty mẹ.

Công ty mẹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty mẹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty mẹ chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ.

Công ty mẹ có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ.

*Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu*

Cổ phiếu do Công ty mẹ nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty mẹ đầu tư cổ phiếu vào một số dự án điện nhiệt điện có cùng các rủi ro. Đây là cổ phiếu đầu tư dài hạn và chưa được niêm yết nên Công ty mẹ đánh giá mức độ nhạy cảm đối với biến động về giá cổ phiếu này là thấp.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty mẹ có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty mẹ thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty mẹ xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty mẹ tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty mẹ sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty mẹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty mẹ theo chính sách của Công ty mẹ. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty mẹ đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty mẹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty mẹ sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty mẹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty mẹ giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty mẹ và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty mẹ khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Ngày 31/12/2016</b>			
<b><i>Giá trị ghi sổ:</i></b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	328.610.885.880	-	328.610.885.880
Phải thu khách hàng	1.404.975.769.750	-	1.404.975.769.750
Đầu tư	-	2.868.398.499.205	2.868.398.499.205
Phải thu khác	825.235.699.086	965.552.378	826.201.251.464
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b><i>Trừ:</i></b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(5.061.330.000)	-	(5.061.330.000)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(686.513.415.410)	(686.513.415.410)
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.553.761.024.716</b>	<b>2.182.850.636.173</b>	<b>4.736.611.660.889</b>
<b>Ngày 31/12/2016</b>			
Các khoản vay và nợ	1.644.054.757.720	12.419.938.177.577	14.063.992.935.297
Phải trả người bán	1.014.220.082.493	626.944.266.919	1.641.164.349.412
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	370.299.886.865	-	370.299.886.865
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.028.574.727.078</b>	<b>13.046.882.444.496</b>	<b>16.075.457.171.574</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(474.813.702.362)</b>	<b>(10.864.031.808.323)</b>	<b>(11.338.845.510.685)</b>
<b>Ngày 15/01/2016</b>			
<b><i>Giá trị ghi sổ:</i></b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.847.900.361	-	65.847.900.361
Phải thu khách hàng	1.501.967.164.474	-	1.501.967.164.474
Đầu tư	-	2.824.554.177.495	2.824.554.177.495
Phải thu khác	1.039.653.482.256	965.552.378	1.040.619.034.634
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b><i>Trừ:</i></b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự Phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.607.468.547.091</b>	<b>2.825.519.729.873</b>	<b>5.432.988.276.964</b>
<b>Ngày 15/01/2016</b>			
Các khoản vay và nợ	1.643.691.958.169	14.132.070.729.936	15.775.762.688.105
Phải trả người bán	1.068.195.842.261	618.416.284.351	1.686.612.126.612
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	432.169.941.366	-	432.169.941.366
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.144.057.741.796</b>	<b>14.750.487.014.287</b>	<b>17.894.544.756.083</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(536.589.194.705)</b>	<b>(11.924.967.284.414)</b>	<b>(12.461.556.479.119)</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

Công ty mẹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty mẹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<b>31/12/2016</b>	<b>15/01/2016</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>15/01/2016</b>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.868.398.499.205	2.824.554.177.495	2.181.885.083.795	2.824.554.177.495
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	1.404.975.769.750	1.501.967.164.474	1.399.914.439.750	1.501.967.164.474
<i>Các khoản PT khác</i>	826.201.251.464	1.040.619.034.634	826.201.251.464	1.040.619.034.634
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	328.610.885.880	65.847.900.361	328.610.885.880	65.847.900.361
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.428.186.406.299</b>	<b>5.432.988.276.964</b>	<b>4.736.611.660.889</b>	<b>5.432.988.276.964</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<i>Vay và nợ</i>	14.063.992.935.297	15.775.762.688.105	14.063.992.935.297	15.775.762.688.105
<i>Phải trả người bán</i>	1.641.164.349.412	1.686.612.126.612	1.641.164.349.412	1.686.612.126.612
<i>Phải trả khác</i>	370.299.886.865	432.169.941.366	370.200.610.411	432.169.941.366
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.075.457.171.574</b>	<b>17.894.544.756.083</b>	<b>16.075.457.171.574</b>	<b>17.894.544.756.083</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2016 và ngày 15/01/2016. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

## 7.2 Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước

Trong năm 2008, Kiểm toán nhà nước đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2007 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Đến ngày lập Báo cáo tài chính này, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước liên quan đến Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV chi nhánh của Công ty mẹ chưa được thực hiện hoặc đã thực hiện nhưng chưa được hoàn tất như sau:

Theo “Báo cáo kiểm toán Dự án Nhà máy Nhiệt điện Cao Ngạn” ngày 15/01/2009 của Kiểm toán Nhà nước, tổng số tiền phạt Công ty TNHH Công trình điện Cấp Nhĩ Tân do nhà thầu này thực hiện chậm tiến độ Gói thầu số 3 - “Thiết kế, cung cấp thiết bị, xây dựng, lắp đặt, chạy thử và chuyển giao công nghệ Nhà máy Nhiệt điện chạy than Cao Ngạn công suất

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

2x50MW” là 8.505.661,63 USD (tương đương với 193.248.632.234 đồng). Tuy nhiên, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - Vinacomin và nhà thầu vẫn đang trong quá trình đàm phán nên chưa hoàn tất được vấn đề thương mại của gói thầu EPC.

Đồng thời Công ty đang trong quá trình xem xét để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư, vì vậy Tổng Công ty chưa có bút toán điều chỉnh nào được thực hiện liên quan đến vấn đề này.

406  
NG  
HIỆM  
K  
T N  
JAN



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

**7.3 Báo cáo bộ phận**

Tổng Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: Doanh thu than, Doanh thu điện và Doanh thu khác. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

	<b>Than VND</b>	<b>Điện VND</b>	<b>Khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b><u>Từ 01/01/2016 đến 14/01/2016</u></b>				
Doanh thu	-	(326.273.581.932)	1.056.310.803	<b>(325.217.271.129)</b>
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	-	190.729.579.764	1.017.738.245	<b>191.747.318.009</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>-</b>	<b>(517.003.161.696)</b>	<b>38.572.558</b>	<b>(516.964.589.138)</b>
<b><u>Từ 15/01/2016 đến 31/12/2016</u></b>				
Doanh thu	131.456.990.630	6.283.463.671.279	46.849.054.292	<b>6.461.769.716.201</b>
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	131.456.990.630	5.264.048.232.952	44.331.438.933	<b>5.439.836.662.515</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>-</b>	<b>1.019.415.438.327</b>	<b>2.517.615.359</b>	<b>1.021.933.053.686</b>

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ chỉ phát sinh tại khu vực nội địa nên Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính